

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6
4. Bảng cân đối kế tổng hợp toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	14 - 44
8. Phụ lục	45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc (được chuyển đổi từ Công ty TNHH thép Đại Thiên Lộc, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 7 năm 2001) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000334 ngày 12 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 27 tháng 06 năm 2007 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 18 tháng 01 năm 2008; thay đổi lần thứ năm ngày 16 tháng 01 năm 2009; thay đổi lần thứ sáu ngày 11 tháng 8 năm 2009 và thay đổi lần thứ bảy ngày 27 tháng 10 năm 2009 về việc tăng vốn điều lệ.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 06 tháng 03 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ và mở thêm chi nhánh hoạt động.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 01 tháng 12 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ, bổ sung ngành nghề kinh doanh và mở thêm chi nhánh hoạt động.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 17 tháng 3 năm 2010; thay đổi lần thứ chín ngày 14 tháng 7 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành nghề kinh doanh đồng thời thay đổi số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười ngày 12 tháng 01 năm 2012 về việc tăng vốn điều lệ và thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	82.500.000.000	16,46
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	41.250.000.000	8,23
Các cổ đông khác	377.610.900.000	75,31
Cộng	501.360.900.000	100,00

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 04 tháng 6 năm 2010 với mã chứng khoán là DTL.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Điện thoại : (84 - 650) 3 719 999

Fax : (84 - 650) 3 849 888

E-mail : daithienloc@hcm.vnn.vn

Mã số thuế : 3 7 0 0 3 8 1 2 8 2

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị

- Chi nhánh Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc tại Đà Nẵng
- Chi nhánh Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc tại Bà Rịa
- Chi nhánh Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc - Xí nghiệp cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc
- Chi nhánh Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc tại Long Mỹ
- Chi nhánh Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc tại Vị Thanh
- Chi nhánh Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc - Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên lộc
- Chi nhánh Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc tại TP. Hồ Chí Minh (Bình Chánh)
- Chi nhánh Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc tại Bình Dương (Dĩ An)

Địa chỉ

- 507 Tôn Đức Thắng, phường Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
- 19 Cách Mạng Tháng Tám, phường Long Hương, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
- Ô 13A, lô CN8, đường N5, khu công nghiệp Sóng Thần III, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- 69 Trần Hưng Đạo, thị trấn Long Mỹ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang
- 295 Trần Hưng Đạo B, phường 5, thị xã Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang
- Ô 10-11-12-13B, lô CN8, đường N5, khu công nghiệp Sóng Thần 3, xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
- 14/20 Quốc lộ 1A, ấp 3, xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh
- 105/49A ấp Chiêu Liêu, xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Sản xuất thép lá mạ kẽm (tôn kẽm), mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), thép lá mạ màu;
- Mua bán sắt thép các loại, vật tư, nhiên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất thép và xây dựng;
- Sản xuất tôn lợp, cán xà gồ;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Cho thuê kho bãi;
- Sản xuất, lắp dựng các cấu kiện sắt thép, nhà kho, dầm cầu trục, các sản phẩm cơ khí phục vụ xây dựng;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp; Xây dựng nhà các loại;
- Thi công hệ thống điện nước công trình;
- Vận chuyển hàng hóa nội bộ;
- Sản xuất thép xây dựng, thép hình; Đúc sắt thép;
- Chế biến nông sản;
- Sản xuất, lắp đặt tấm cách nhiệt;
- Sản xuất đồ gỗ gia dụng;
- Dịch vụ giao nhận; Dịch vụ khai thuê hải quan, lập dự án đầu tư và tư vấn đầu tư;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống;
- Kinh doanh địa ốc, nhà xưởng; Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, dân cư đô thị; Cho thuê kho bãi.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Trong năm, Công ty đã mua lại 3.217.840 cổ phiếu quỹ với giá mua và chi phí mua là 58.508.685.584 VND.

Lợi nhuận năm nay giảm đáng kể so với năm trước chủ yếu là do kết quả năm trước bao gồm lợi nhuận chuyển về từ công ty con là 127,8 tỷ.

Ngoài ra, trong năm Công ty đã bán dây chuyền máy móc thiết bị dorr đang với giá trị khoảng 67,5 tỷ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 44).

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-2011/NQ-DHĐCĐ ngày 11 tháng 4 năm 2011 như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển	9.380.758.427 VND
- Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	362.200.000 VND
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.286.406.742 VND
- Chia cổ tức đợt 2	97.000.896.000 VND
Cộng	114.030.261.169 VND

Ngoài ra, Công ty đã tạm chia cổ tức năm 2011 với tổng số tiền là 48.002.270.000 VND (1.000 VND/cổ phiếu) theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 28 tháng 4 năm 2011 và Thông báo chia cổ tức ngày 04 tháng 5 năm 2011.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch	01 tháng 6 năm 2007	-
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Thành viên	01 tháng 6 năm 2007	28 tháng 4 năm 2011
	Phó chủ tịch	28 tháng 4 năm 2011	-
Ông Lê Anh Thi	Thành viên	25 tháng 4 năm 2008	11 tháng 4 năm 2011
Ông Lê Bá Phương	Thành viên	25 tháng 4 năm 2008	-
Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng	Thành viên	25 tháng 4 năm 2008	-
Bà Lâm Thị Kim Phượng	Thành viên	11 tháng 4 năm 2011	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lê Hồng Nhung	Trưởng ban	29 tháng 4 năm 2010	11 tháng 4 năm 2011
Bà Võ Thị Mỹ Dung	Thành viên	13 tháng 6 năm 2009	11 tháng 4 năm 2011
	Trưởng ban	11 tháng 4 năm 2011	-
Bà Phan Quỳnh Diễm Châu	Thành viên	11 tháng 4 năm 2011	-
Bà Đoàn Thị Bích Thúy	Thành viên	11 tháng 4 năm 2011	-
Ông Phan Minh Hiền	Thành viên	29 tháng 4 năm 2010	11 tháng 4 năm 2011

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc	15 tháng 4 năm 2004	-
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Tổng Giám đốc	15 tháng 4 năm 2004	4 tháng 4 năm 2011
Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 6 năm 2007	-
Bà Lâm Thị Kim Phượng	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 10 năm 2009	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 4 năm 2012



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0408/2012/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2011 của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 15 tháng 3 năm 2012, từ trang 07 đến trang 44 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Nguyễn Thị Phước Tiên

Nguyễn Thị Phước Tiên - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1199/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 4 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.224.264.720.849	1.569.769.462.971
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	22.814.483.712	8.792.394.139
1. Tiền	111		2.758.483.712	8.792.394.139
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.056.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.411.544.000	2.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	3.808.256.322	2.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(396.712.322)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		276.938.951.477	61.644.316.400
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	272.315.383.328	55.160.088.538
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	1.676.346.274	3.100.048.242
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	9.377.875.525	7.256.462.840
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(6.430.653.650)	(3.872.283.220)
IV. Hàng tồn kho	140		899.767.070.710	1.449.180.959.238
1. Hàng tồn kho	141	V.8	916.635.561.600	1.449.180.959.238
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(16.868.490.890)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.332.670.950	48.151.793.194
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	144.028.438	110.449.999
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.856.429.048	24.514.982.360
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.22	3.506.795	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	17.328.706.669	23.526.360.835

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		416.434.969.888	391.746.978.431
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		231.402.773.396	259.819.419.550
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	57.500.451.978	62.615.253.867
<i>Nguyên giá</i>	222		94.457.758.083	88.960.424.242
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(36.957.306.105)	(26.345.170.375)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.13	-	4.261.943.532
<i>Nguyên giá</i>	225		-	5.455.287.708
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	(1.193.344.176)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	61.330.504.989	63.046.667.105
<i>Nguyên giá</i>	228		62.961.546.808	64.361.546.808
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.631.041.819)	(1.314.879.703)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	112.571.816.429	129.895.555.046
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		185.032.196.492	131.363.058.881
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.16	188.505.640.749	129.235.748.881
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.17	68.477.795	2.127.310.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.18	(3.541.922.052)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	564.500.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	564.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.640.699.690.737	1.961.516.441.402

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		868.958.566.996	1.166.972.664.757
I. Nợ ngắn hạn	310		862.998.201.896	1.155.854.554.457
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	634.560.280.103	1.021.451.537.924
2. Phải trả người bán	312	V.20	164.780.951.025	87.839.601.637
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	5.510.938.954	11.016.641.530
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	34.327.661.033	21.495.932.410
5. Phải trả người lao động	315	V.23	214.899.098	1.015.607.724
6. Chi phí phải trả	316	V.24	4.324.115.833	3.423.658.215
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	14.513.968.649	8.677.015.464
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.26	4.765.387.201	934.559.553
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		5.960.365.100	11.118.110.300
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.27	5.634.066.000	10.786.237.200
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.28	326.299.100	331.873.100
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		771.741.123.741	794.543.776.645
I. Vốn chủ sở hữu	410		771.741.123.741	794.543.776.645
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.29	501.360.900.000	484.974.700.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.29	160.852.283.540	151.238.500.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.29	(58.638.685.584)	(130.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.29	17.239.269.021	7.858.510.594
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.29	1.866.469.837	1.903.869.837
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.29	149.060.886.927	148.698.196.214
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.640.699.690.737	1.961.516.441.402

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.812.487.702	1.812.487.702
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		17.295,51	39.333,76
Euro (EUR)		100,27	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



Vũ Thành Nam
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 15 tháng 3 năm 2012



Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.918.398.200.867	1.805.043.859.164
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	2.174.662.391	2.602.898.038
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.916.223.538.476	1.802.440.961.126
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.577.436.746.533	1.451.640.919.819
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		338.786.791.943	350.800.041.307
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.815.546.499	147.687.702.075
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	124.473.305.876	128.370.194.716
Trong đó: chi phí lãi vay	23		79.786.289.776	79.659.277.265
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	16.314.805.370	14.360.429.926
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	26.390.960.920	25.876.316.612
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		179.423.266.276	329.880.802.128
11. Thu nhập khác	31	VI.7	70.160.546.503	254.801.665
12. Chi phí khác	32	VI.8	72.180.269.797	527.041.951
13. Lợi nhuận khác	40		(2.019.723.294)	(272.240.286)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		177.403.542.982	329.608.561.842
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.22	14.953.005.420	19.293.601.591
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>162.450.537.562</u>	<u>310.314.960.251</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-

Bình Dương, ngày 15 tháng 3 năm 2012


 Vũ Thành Nam
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Thanh Nghĩa
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		177.403.542.982	329.608.561.842
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.12; V.13; V.14	10.342.004.565	9.708.633.180
- Các khoản dự phòng	03	V.3; V.7; V.9; V.18	23.365.495.694	186.343.295
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3; VI.4	661.227.500	(9.626.439.785)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3; VI.7; VI.8	(2.377.813.803)	(75.815.253)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	79.786.289.776	79.659.277.265
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		289.180.746.714	409.460.560.544
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(127.362.470.409)	(50.380.878.365)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		532.545.397.638	(311.668.210.485)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		85.315.234.513	(174.773.963.873)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(33.578.439)	758.246.303
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.24; VI.4	(78.586.403.805)	(77.351.301.610)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.22	(11.324.173.792)	(15.778.655.534)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		688.146.359.427	1.287.137.624.505
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(687.976.026.496)	(1.265.422.518.844)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		689.905.085.351	(198.019.097.359)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12; V.13; V.15	(50.669.517.651)	(87.159.202.751)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7; VII	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(2.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.16; V.17	(59.277.111.868)	(129.114.378.881)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		2.066.052.205	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	2.159.538.141	75.815.253
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(105.721.039.173)	(218.197.766.379)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.29	(58.508.685.584)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19;V.27	1.123.663.429.277	2.061.832.486.087
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19;V.27	(1.490.368.085.798)	(1.579.213.828.627)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	(1.876.800.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.29	(144.948.614.500)	(67.841.302.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(570.161.956.605)	412.900.555.460
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		14.022.089.573	(3.316.308.278)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	8.792.394.139	12.130.678.572
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(21.976.155)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	22.814.483.712	8.792.394.139



Vũ Thành Nam
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 15 tháng 3 năm 2012



Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất thép lá mạ kẽm (tôn kẽm), mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), thép lá mạ màu; Mua bán sắt thép các loại; Sản xuất tôn lợp, cán xà gỗ; Sản xuất thép cán nóng, thép cán nguội, thép ống, dập cán sóng tôn, cán xà gỗ thép; Xây dựng dân dụng, công nghiệp; Sản xuất thép xây dựng, thép hình.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 500 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 330 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Trong năm, Công ty đã mua lại 3.217.840 cổ phiếu quỹ với giá mua và chi phí mua là 58.508.685.584 VND.

Lợi nhuận năm nay giảm đáng kể so với năm trước chủ yếu là do kết quả năm trước bao gồm lợi nhuận chuyển về từ công ty con là 127,8 tỷ.

Ngoài ra, trong năm Công ty đã bán dây chuyền máy móc thiết bị dờ dang với giá trị khoảng 67,5 tỷ.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	14-20
Máy móc và thiết bị	05-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 08 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	5%
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	3%

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010: 18.932 VND/USD
31/12/2011: 20.828 VND/USD

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

19. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

20. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	504.056.243	552.608.004
Tiền gửi ngân hàng	2.254.427.469	8.239.786.135
Các khoản tương đương tiền (*)	20.056.000.000	-
Cộng	22.814.483.712	8.792.394.139

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu Công ty cổ phần Đông Hải Bến Tre (*)	189.613	1.808.256.322		-
Tiền gửi có kỳ hạn từ 01 năm trở xuống		2.000.000.000		2.000.000.000
Cộng		3.808.256.322		2.000.000.000

(*) Cổ phiếu của Công ty cổ phần Đông Hải Bến Tre tăng do mua thêm 189.613 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 1.808.256.322 VND.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Văn phòng Công ty	268.933.434.225	50.857.979.005
Tại Chi nhánh Bà Rịa	376.426.462	236.777.231
Tại Chi nhánh Long Mỹ	1.069.208.715	1.465.008.218
Tại Chi nhánh Đà Nẵng	348.919.262	786.916.875
Tại Chi nhánh Vị Thanh	1.587.394.664	1.813.407.209
Cộng	<u>272.315.383.328</u>	<u>55.160.088.538</u>

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước nguyên vật liệu	1.330.610.607	2.419.699.598
Trả trước các dịch vụ khác	345.735.667	680.348.644
Cộng	<u>1.676.346.274</u>	<u>3.100.048.242</u>

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc – chi hộ	2.042.511.975	-
Tiền cho công nhân viên vay	630.494.750	652.232.250
Thuế nhập khẩu được hoàn	5.494.103.772	5.345.913.607
Phải thu khác	1.210.765.028	1.258.316.983
Cộng	<u>9.377.875.525</u>	<u>7.256.462.840</u>

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	268.074.094	1.131.929.078
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	-	1.611.294.956
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	1.387.209.146	-
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	4.775.370.410	1.129.059.186
Cộng	<u>6.430.653.650</u>	<u>3.872.283.220</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	3.872.283.220
Trích lập dự phòng bổ sung	2.558.370.430
Số cuối năm	<u>6.430.653.650</u>

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	146.493.484.785	422.836.046.369
Công cụ, dụng cụ	5.840.966.146	5.695.233.953
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.372.068	2.077.501.031
Thành phẩm	356.270.895.591	267.195.861.475
Hàng hóa	408.028.843.010	751.376.316.410
Cộng	<u>916.635.561.600</u>	<u>1.449.180.959.238</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Một số thành phẩm, hàng hóa có giá trị ghi sổ là 634.279.705.000 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng.

9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm	3.964.165.489	-
Hàng hóa	12.904.325.401	-
Cộng	16.868.490.890	-

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	6.636.364	-
Chi phí sửa chữa dàn mạ kẽm	137.392.074	110.449.999
Cộng	144.028.438	110.449.999

11. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	669.184.026	954.275.158
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	16.538.242.223	22.464.172.584
Tài sản thiếu chờ xử lý	121.280.419	107.913.093
Cộng	17.328.706.669	23.526.360.835

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	16.931.484.163	50.340.102.368	20.541.689.390	1.147.148.321	88.960.424.242
Mua sắm mới	-	870.800.000	1.988.203.973	227.491.208	3.086.495.181
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	-	5.506.457.708	-	5.506.457.708
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.486.722.235)	-	-	(2.486.722.235)
Giảm khác	-	(608.896.813)	-	-	(608.896.813)
Số cuối năm	16.931.484.163	48.115.283.320	28.036.351.071	1.374.639.529	94.457.758.083
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	605.039.509	-	396.749.604	1.001.789.113
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	5.027.874.859	16.124.949.971	4.577.483.934	614.861.611	26.345.170.375
Khấu hao trong năm	1.203.658.803	5.383.045.364	2.948.818.123	167.147.680	9.702.669.971
Khấu hao lũy kế của tài sản thuê tài chính	-	-	1.486.344.244	-	1.486.344.244
Thanh lý, nhượng bán	-	(576.878.485)	-	-	(576.878.485)
Số cuối năm	6.231.533.662	20.931.116.850	9.012.646.301	782.009.291	36.957.306.105

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	11.903.609.304	34.215.152.397	15.964.205.456	532.286.710	62.615.253.867
Số cuối kỳ	<u>10.699.950.501</u>	<u>27.184.166.470</u>	<u>19.023.704.770</u>	<u>592.630.238</u>	<u>57.500.451.978</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 43.607.604.191 VND và 29.527.826.523 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng.

13. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	5.455.287.708	1.193.344.176	4.261.943.532
Khấu hao trong năm	-	293.000.068	
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(5.455.287.708)	(1.486.344.244)	
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	64.270.247.808	91.299.000	64.361.546.808
Thanh lý, nhượng bán	(1.400.000.000)	-	(1.400.000.000)
Số cuối năm	<u>62.870.247.808</u>	<u>91.299.000</u>	<u>62.961.546.808</u>

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng
vẫn còn sử dụng

-

-

-

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	1.292.054.957	22.824.746	1.314.879.703
Khấu hao trong năm	346.334.526	-	346.334.526
Thanh lý, nhượng bán	(30.172.410)		(30.172.410)
Số cuối năm	<u>1.608.217.073</u>	<u>22.824.746</u>	<u>1.631.041.819</u>

Giá trị còn lại

Số đầu năm	<u>62.978.192.851</u>	<u>68.474.254</u>	<u>63.046.667.105</u>
Số cuối năm	<u>61.262.030.735</u>	<u>68.474.254</u>	<u>61.330.504.989</u>

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng
Đang chờ thanh lý

10.890.600.700

-

-

10.890.600.700

-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết các quyền sử dụng đất:

- Quyền sử dụng 6.327 m² đất tọa lạc tại lô A, đường số 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thuê đất số 098/HĐTLĐ/ST2, ngày 10 tháng 8 năm 2001.
 - Bên cho thuê : Công ty cổ phần Đại Nam.
 - Thời hạn thuê : 41 năm 6 tháng, bắt đầu từ ngày 11 tháng 7 năm 2004 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2045.

Quyền sử dụng đất này đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh khu công nghiệp Bình Dương.

- Nguyên giá theo sổ sách 2.840.127.030 VND
- Giá trị còn lại theo sổ sách 2.067.327.602 VND

- Quyền sử dụng 105.285 m² đất tọa lạc tại lô CN8, khu công nghiệp Sóng Thần III, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thuê đất số 34/HĐTD/ST3, ngày 07 tháng 02 năm 2007.
 - Bên cho thuê : Công ty cổ phần Đại Nam.
 - Thời hạn thuê : 40 năm 6,5 tháng, bắt đầu từ ngày 07 tháng 02 năm 2007 đến ngày 21 tháng 12 năm 2055.

Quyền sử dụng đất này đã được thế chấp để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh khu công nghiệp Bình Dương và Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

- Nguyên giá theo sổ sách 49.139.520.078 VND
- Giá trị còn lại theo sổ sách 49.139.520.078 VND

- Lô đất 5.000 m² tọa lạc tại ấp Chiêu Liêu, xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương.
 - Nguyên giá theo sổ sách 8.400.600.700 VND
 - Giá trị còn lại theo sổ sách 7.633.657.929 VND
- Lô đất 830 m² tọa lạc tại khu vực 4, phường 5, thị xã Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được công chứng ngày 21 tháng 5 năm 2010. Quyền sử dụng đất này tạm thời chưa đưa vào sử dụng. Nguyên giá theo sổ sách là 2.490.000.000 VND.

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Tăng khác	Thanh lý, nhượng bán	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
XDCB dở dang	129.895.555.046	50.978.995.194	2.077.501.031	(65.464.687.900)	(4.915.546.942)	112.571.816.429
Sửa chữa lớn						
TSCĐ	-	95.250.305	-	-	(95.250.305)	-
Cộng	129.895.555.046	51.074.245.499	2.077.501.031	(65.464.687.900)	(5.010.797.247)	112.571.816.429

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

16. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc ⁽ⁱ⁾	-	9.194.000.000	-	382.000.000
Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc ⁽ⁱⁱ⁾	-	179.311.640.749	-	128.853.748.881
Cộng		188.505.640.749		129.235.748.881

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701295519 ngày 22 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc là 15.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã đầu tư 8.812.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 9.194.000.000 VND, tương đương 61,29% vốn điều lệ (số đầu năm là 382.000.000 VND, tương đương 2,55% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc là 5.806.000.000 VND.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701295237 ngày 22 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc là 300.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã đầu tư 50.457.891.868 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 179.311.640.749 VND, tương đương 59,77% vốn điều lệ (số đầu năm là 128.853.748.881 VND, tương đương 42,95% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc là 120.688.359.251 VND.

Công ty đã làm thủ tục đăng ký kinh doanh thành lập Công ty TNHH một thành viên cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc theo bản hợp Hội đồng quản trị ngày 05 tháng 12 năm 2008. Tuy nhiên, việc góp vốn thành lập Công ty con trên chưa thực hiện.

17. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu				
Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam	4.336	68.477.795	119.147	2.127.310.000
Cộng		68.477.795		2.127.310.000

Trong năm, Công ty đã mua 722 cổ phiếu của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam với giá mua và chi phí mua là 7.220.000 VND và nhận 6.357 cổ phiếu thưởng. Đồng thời, Công ty đã bán 121.890 cổ phiếu của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam với giá bán là 4.035.000.000 VND.

18. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con		
- Công ty TNHH một thành viên Tôn Đại Thiên Lộc	260.478.748	-
- Công ty TNHH một thành viên Thép Đại Thiên Lộc	3.281.443.304	-
Cộng	3.541.922.052	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**19. Vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng ⁽ⁱ⁾	627.432.881.903	916.304.434.725
- Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh khu công nghiệp Bình Dương	99.109.794.317	103.821.139.452
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	81.211.531.399	92.704.722.433
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gò Vấp	226.295.300.609	192.351.903.126
- Ngân hàng thương mại cổ phần nhà Hà Nội	-	97.255.592.681
- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh Bình Dương	135.122.330.289	238.460.832.313
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	44.460.004.709	42.093.877.000
- Ngân hàng TNHH Indovina	41.233.920.580	37.800.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội	-	111.816.367.720
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác ⁽ⁱⁱ⁾	2.715.227.000	1.875.700.000
Vay dài hạn đến hạn trả (thuyết minh V.27)	4.412.171.200	2.421.003.200
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	850.399.999
Trái phiếu đến hạn trả	-	100.000.000.000
Cộng	634.560.280.103	1.021.451.537.924

(i) Khoản vay các ngân hàng để bổ sung vốn lưu động và mua nguyên liệu. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định, nguyên vật liệu và hàng hoá.

(ii) Khoản vay Ông Nguyễn Ứng Vũ.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số đã trả trong năm	Giảm khác	Chuyển đổi thành cổ phiếu	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	916.304.434.725	1.120.322.202.277	-	(1.409.193.755.099)	-	-	627.432.881.903
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	1.875.700.000	2.715.227.000	-	(1.875.700.000)	-	-	2.715.227.000
Vay dài hạn đến hạn trả	2.421.003.200	-	4.424.183.200	(2.433.015.200)	-	-	4.412.171.200
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	850.399.999	-	-	(850.399.999)	-	-	-
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	100.000.000.000	-	-	(74.000.000.000)	(16.460)	(25.999.983.540)	-
Cộng	1.021.451.537.924	1.123.037.429.277	4.424.183.200	(1.488.352.870.298)	(16.460)	(25.999.983.540)	634.560.280.103

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

20. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Văn phòng Công ty	163.754.122.994	86.698.200.938
Tại Chi nhánh Bà Rịa	32.167.219	32.167.219
Tại Chi nhánh Long Mỹ	60.495.295	20.450.364
Tại Chi nhánh Đà Nẵng	226.855.584	226.620.758
Tại Xí nghiệp cơ khí	398.966.782	503.585.142
Tại Chi nhánh Vị Thanh	308.343.151	358.577.216
Cộng	164.780.951.025	87.839.601.637

21. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Văn phòng Công ty	5.017.795.334	10.264.219.229
Tại Chi nhánh Bà Rịa	70.588.743	12.984.691
Tại Chi nhánh Long Mỹ	-	6.315.326
Tại Chi nhánh Đà Nẵng	301.930.299	719.201.089
Tại Chi nhánh Vị Thanh	120.624.578	13.921.195
Cộng	5.510.938.954	11.016.641.530

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	22.732.763	40.736.024.172	(30.048.327.329)	10.710.429.606
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	78.230.982.562	(78.230.982.562)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	9.031.912.884	14.867.160.408	(18.505.164.883)	5.393.908.409
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	11.052.100.927	14.958.405.581	(11.324.173.792)	14.686.332.716
Thuế tài nguyên	2.857.600	-	(2.857.600)	-
Thuế nhà đất	-	29.544.200	(33.050.995)	(3.506.795)
Thuế thu nhập cá nhân	1.386.328.236	3.530.110.097	(1.379.448.031)	3.536.990.302
Các loại thuế khác	-	9.857.600	(9.857.600)	-
Cộng	21.495.932.410	152.362.084.620	(139.533.862.792)	34.324.154.238

(*) Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm bao gồm khoản điều chỉnh trình bày số dư đầu năm là 5.400.161 VND.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Đối với hoạt động thương mại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 03 năm tiếp theo.

Đối với hoạt động sản xuất, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ khi Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.

Năm 2011, hoạt động thương mại và hoạt động sản xuất của Công ty đều được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	177.403.542.982	329.608.561.842
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.201.286.245	15.118.721.343
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.203.079.921)	(128.215.576.069)
Tổng thu nhập chịu thuế	179.401.749.306	216.511.707.116
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất (thuế suất 15%)	85.200.172.659	94.302.764.805
- Thu nhập từ hoạt động thương mại (thuế suất 20%)	94.201.576.647	122.208.942.311
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	31.620.341.228	38.587.203.183
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(15.810.170.614)	19.293.601.592
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước	(857.165.194)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	14.953.005.420	19.293.601.591

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

23. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả công nhân viên.

24. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay, trái phiếu	4.319.814.141	3.119.928.170
Chi phí bảo hiểm hàng hóa	-	103.730.045
Chi phí khác	4.301.692	200.000.000
Cộng	4.324.115.833	3.423.658.215

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	177.686.309	103.482.724
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	810.948.993	335.252.843
Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc – thu hộ tiền hàng	2.147.399.707	1.609.449.034
Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc – tiền mượn	413.995.687	1.957.713.849
Ông Đặng Minh Truyền - tiền mượn	4.524.742.200	-
Ông Nguyễn Ứng Vũ	850.000.000	-
Cổ tức phải trả	1.890.253.660	1.835.702.160
Doanh thu chưa thực hiện	762.404.537	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.936.537.556	2.835.414.854
Cộng	14.513.968.649	8.677.015.464

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	934.559.553
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	7.286.406.742
Tăng khác	88.076.300
Chi quỹ	(3.543.655.394)
Số cuối năm	4.765.387.201

27. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng		
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gò Vấp ⁽ⁱ⁾	424.988.000	1.093.339.200
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	4.813.078.000	9.692.898.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội ⁽ⁱⁱⁱ⁾	396.000.000	-
Cộng	5.634.066.000	10.786.237.200

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Gò Vấp để thanh toán tiền đầu tư phương tiện vận tải. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

(ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh khu công nghiệp Sóng Thần để đầu tư phương tiện vận tải, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình của Công ty.

(iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội để đầu tư phương tiện vận tải. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Từ 01 năm trở xuống	4.412.171.200
Trên 01 năm đến 05 năm	5.634.066.000
Trên 05 năm	-
Tổng nợ	10.046.237.200

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

Số đầu năm	10.786.237.200
Số tiền vay phát sinh	626.000.000
Chênh lệch tỷ giá	661.227.500
Số tiền vay đã trả	(2.015.215.500)
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(4.424.183.200)
Số cuối năm	5.634.066.000

28. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	331.873.100
Số đã chi	(5.574.000)
Số cuối năm	326.299.100

29. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 46.

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: 16.386.200.000 VND.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước	96.958.305.000
Tạm ứng cổ tức (10% mệnh giá)	47.990.309.500
Cộng	144.948.614.500

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.136.090	48.497.470
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	50.136.090	48.497.470
- Cổ phiếu phổ thông	50.136.090	48.497.470
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	3.227.840	10.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.227.840	10.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.908.250	48.487.470
- Cổ phiếu phổ thông	46.908.250	48.487.470
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.918.398.200.867	1.805.043.859.164
- Doanh thu bán hàng hóa	1.050.680.725.238	1.012.388.992.927
- Doanh thu bán thành phẩm	862.933.771.522	787.665.139.228
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	60.566.295	64.037.487
- Doanh thu bán nguyên vật liệu	4.723.137.812	4.925.689.522
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(2.174.662.391)	(2.602.898.038)
- Hàng bán bị trả lại	(2.159.388.262)	(2.319.813.088)
- Giảm giá hàng bán	(15.274.129)	(283.084.950)
Doanh thu thuần	1.916.223.538.476	1.802.440.961.126
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	1.049.843.983.153	1.012.388.992.927
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	861.595.851.216	785.062.241.190
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	60.566.295	64.037.487
- Doanh thu thuần bán nguyên vật liệu	4.723.137.811	4.925.689.522

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	855.199.154.113	860.056.647.844
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ⁽ⁱ⁾	700.708.503.711	586.782.318.256
Giá vốn của nguyên vật liệu	4.660.597.819	4.801.953.719
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	16.868.490.890	-
Cộng	1.577.436.746.533	1.451.640.919.819

⁽ⁱ⁾ Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	769.310.573.078	798.152.000.104
Chi nhân công trực tiếp	5.236.080.916	3.292.653.195
Chi phí sản xuất chung	15.857.108.350	17.225.220.571
Tổng chi phí sản xuất	790.403.762.344	818.669.873.870
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.076.128.963	51.949.746.906
Cộng nhập khác	3.830.211.886	-
Trừ xuất khác	(5.369.083.243)	(5.888.747.689)
Tổng giá thành sản xuất	790.941.019.950	864.730.873.087
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	(89.075.034.116)	(149.993.061.844)
Cộng nhập khác	286.443.320	-
Trừ xuất khác	(1.443.925.443)	(127.955.492.987)
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	700.708.503.711	586.782.318.256

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	152.790.251	141.233.817
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	190.590.346	-
Lãi đầu tư chứng khoán	1.968.947.795	-
Lãi tiền cho vay	-	75.815.253
Lợi nhuận được chia	-	127.817.926.733
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.503.218.107	10.026.286.487
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	9.626.439.785
Cộng	7.815.546.499	147.687.702.075

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	79.786.289.776	79.659.277.265
Dự phòng đầu tư tài chính	3.541.922.052	-
Lãi mua hàng trả chậm	-	599.144.260
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	661.227.500	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	40.483.866.548	48.111.773.191
Cộng	124.473.305.876	128.370.194.716

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	3.714.885.444	3.214.803.320
Chi phí vật liệu, bao bì	1.771.901.812	-
Chi phí công cụ, dụng cụ	177.238.544	362.215.954
Chi phí khấu hao TSCĐ	106.929.990	31.444.542
Chi phí dịch vụ mua ngoài	579.633.747	634.382.406
Chi phí khác	9.964.215.833	10.117.583.704
Cộng	16.314.805.370	14.360.429.926

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.160.405.906	10.048.513.834
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	62.882.408	412.046.381
Chi phí khấu hao tài sản cố định	854.321.737	761.760.456
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.606.565.337	7.929.835.454
Chi phí khác	8.706.785.532	6.724.160.487
Cộng	26.390.960.920	25.876.316.612

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.309.843.777	-
Nhượng bán các dây chuyền máy móc thiết bị dở dang	65.652.591.125	-
Thu tiền vi phạm hợp đồng	1.057.166.515	3.000.000
Các khoản thu nhập khác	140.945.086	251.801.665
Cộng	70.160.546.503	254.801.665

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	3.279.671.340	-
Giá vốn các dây chuyền máy móc thiết bị dở dang nhượng bán	65.464.487.900	-
Chi phí khác	3.436.110.557	527.041.951
Cộng	72.180.269.797	527.041.951

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	772.809.603.829	802.045.550.373
Chi phí nhân công	19.240.133.158	17.534.255.922
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.866.931.538	9.708.633.180
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.093.721.454	11.061.478.068
Chi phí khác	21.099.138.655	19.403.837.023
Cộng	833.109.528.634	859.753.754.566

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Các giao dịch không bằng tiền

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định chưa thu tiền	68.962.434.902	-
Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	25.999.983.540	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	96.974.700.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VIII.4 đến VIII.7 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		
Mượn tiền	-	712.109.000
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất	1.400.000.000	-
Các cá nhân có liên quan		
Vay tiền	-	29.919.000.000
Mua trái phiếu chuyển đổi	-	20.000.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hội đồng quản trị	1.400.000.000	-
Các cá nhân có liên quan	-	-
Cộng nợ phải thu	1.400.000.000	-
Hội đồng quản trị	-	-
Các cá nhân có liên quan	-	20.000.000.000
Cộng nợ phải trả	-	20.000.000.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.153.286.855	998.826.085
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	16.328.300	29.662.800
Cộng	1.169.615.155	1.028.488.885

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH sản xuất thương mại thép Thiên Lộc	Đồng chủ sở hữu
Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc	Công ty con

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH sản xuất thương mại thép Thiên Lộc		
Thu hộ tiền hàng	-	30.000.000
Thuê kho	-	2.774.349.009
Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa	-	969.438.389.938
Mượn tiền	4.343.000.000	80.000.000
Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc thu hộ tiền hàng	491.977.400	4.120.672.650
Thu hộ tiền hàng Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc	2.510.526.662	148.281.649.446
Chuyển lợi nhuận	-	127.817.926.733
Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc		
Bán hàng hóa	167.985.166.165	-
Bán dây chuyền máy móc, thiết bị dở dang	65.744.674.205	-
Các khoản Công ty cổ phần Đại Thiên chi hộ	21.956.600	28.600.720.000
Mua thép	14.880.851.000	-
Mượn tiền	31.196.642.547	20.196.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH sản xuất thương mại thép Thiên Lộc		
Phải thu tiền bán hàng	521.198.253	521.198.253
Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc		
Phải thu tiền bán hàng	656.438.478	741.186.038
Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc		
Phải thu tiền bán hàng hóa, thành phẩm và dây chuyền máy móc thiết bị dở dang	150.628.849.089	-
Phải thu tiền chi hộ	2.042.511.975	11.585.000
Cộng nợ phải thu	153.848.997.795	1.273.969.291
Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc		
Phải trả tiền mua thành phẩm và hàng hóa	1.458.411.957	-
Phải trả tiền thu hộ	688.987.750	277.550.923
Phải trả tiền mượn	-	80.000.000
Phải trả tiền chuyển trả dư	-	1.251.898.111
Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc		
Phải trả tiền mua thành phẩm và hàng hóa	1.968.936.100	-
Phải trả tiền chi hộ	413.995.687	743.013.849
Phải trả tiền mượn	-	1.214.700.000
Cộng nợ phải trả	4.530.331.494	3.567.162.883

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất sắt, thép các loại.
- Lĩnh vực thương mại: mua bán sắt, thép các loại.
- Các lĩnh vực khác: dịch vụ vận chuyển, lưu kho, bán phế liệu,...

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	861.595.851.216	1.049.843.983.153	4.783.704.106	-	1.916.223.538.475
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	18.309.012.540	-	-	(18.309.012.540)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	879.904.863.756	1.049.843.983.153	4.783.704.106	(18.309.012.540)	1.916.223.538.475
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	156.923.182.016	181.740.503.639	123.106.287	-	338.786.791.942
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(42.705.766.290)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					296.081.025.652
Doanh thu hoạt động tài chính					7.815.546.499
Chi phí tài chính					(124.473.305.876)
Thu nhập khác					70.160.546.504
Chi phí khác					(72.180.269.797)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(14.953.005.420)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>					<u>162.450.537.562</u>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<u>3.086.495.181</u>	-	-	-	<u>3.086.495.181</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>10.342.004.565</u>	-	-	-	<u>10.342.004.565</u>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>	-	-	-	-	-
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	785.062.241.190	1.012.388.992.927	4.989.727.009	-	1.802.440.961.126
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	<u>10.542.362.003</u>	-	-	(10.542.362.003)	-
<i>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<u>795.604.603.193</u>	<u>1.012.388.992.927</u>	<u>4.989.727.009</u>	<u>(10.542.362.003)</u>	<u>1.802.440.961.126</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	<u>198.279.922.934</u>	<u>152.332.345.083</u>	<u>187.773.290</u>	-	350.800.041.307
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(40.236.746.538)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					<u>310.563.294.769</u>
Doanh thu hoạt động tài chính					147.687.702.075
Chi phí tài chính					(128.370.194.716)
Thu nhập khác					254.801.665
Chi phí khác					(527.041.951)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(19.293.601.591)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					310.314.960.251
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	86.435.067.397	-	-	-	86.435.067.397
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	9.708.633.180	-	-	-	9.708.633.180
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	352.306.730.102	395.124.517.609	-	-	747.431.247.711
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					893.268.443.026
Tổng tài sản					1.640.699.690.737
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					868.958.566.996
Tổng nợ phải trả					868.958.566.996
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	267.195.861.475	751.376.316.410	-	-	1.018.572.177.885
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					942.944.263.517
Tổng tài sản					1.961.516.441.402

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					1.166.972.664.757
Tổng nợ phải trả					1.166.972.664.757

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở trong nước và nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trong nước	1.461.397.660.403	1.368.634.419.613
Nước ngoài	454.825.878.073	433.806.541.513
Cộng	1.916.223.538.476	1.802.440.961.126

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		Tài sản bộ phận	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Trong nước	3.086.495.181	86.435.067.397	1.446.832.019.127	1.813.269.689.134
Nước ngoài	-	-	5.423.931.118	14.883.693.387
Cộng	3.086.495.181	86.435.067.397	1.452.255.950.245	1.828.153.382.521

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.814.483.712	8.792.394.139	22.814.483.712	8.792.394.139
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.480.021.795	2.127.310.000	1.480.021.795	2.127.310.000
Phải thu khách hàng	267.826.900.257	55.160.088.538	267.826.900.257	55.160.088.538
Các khoản phải thu khác	24.764.411.615	30.224.784.500	24.764.411.615	30.224.784.500
Cộng	318.885.817.379	95.554.833.132	318.885.817.379	95.554.833.132
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	164.780.951.025	87.839.601.637	164.780.951.025	87.839.601.637
Vay và nợ	640.194.346.103	1.032.237.775.124	640.194.346.103	1.032.237.775.124
Phải trả người lao động	214.899.098	1.015.607.724	214.899.098	1.015.607.724
Chi phí phải trả	4.324.115.833	3.423.658.215	4.324.115.833	3.423.658.215
Các khoản phải trả khác	14.840.267.749	9.008.888.564	14.840.267.749	9.008.888.564
Cộng	824.354.579.808	1.133.525.531.264	824.354.579.808	1.133.525.531.264

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp một số tài sản để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.8, V.12 và V.14). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng tồn kho	634.279.705.000	532.464.789.217
Tài sản cố định hữu hình	29.527.826.523	21.783.967.141
Tài sản cố định vô hình	58.840.505.609	59.954.765.112
Cộng	722.648.037.132	614.203.521.470

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	164.780.951.025	-	-	164.780.951.025
Vay và nợ	634.560.280.103	5.634.066.000	-	640.194.346.103
Phải trả người lao động	214.899.098	-	-	214.899.098
Chi phí phải trả	4.324.115.833	-	-	4.324.115.833
Các khoản phải trả khác	14.513.968.649	326.299.100	-	14.840.267.749
Cộng	818.394.214.708	5.960.365.100	-	824.354.579.808
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	87.839.601.637	-	-	87.839.601.637
Vay và nợ	1.021.451.537.924	10.786.237.200	-	1.032.237.775.124
Phải trả người lao động	1.015.607.724	-	-	1.015.607.724
Chi phí phải trả	3.423.658.215	-	-	3.423.658.215
Các khoản phải trả khác	8.677.015.464	331.873.100	-	9.008.888.564
Cộng	1.122.407.420.964	11.118.110.300	-	1.133.525.531.264

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, độ nhạy của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD như sau:

	Thay đổi tỷ giá USD (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
Năm nay	+ 2%	(4.867.068.937)
	- 2%	4.867.068.937
Năm trước	+ 2%	(5.139.870.821)
	- 2%	5.139.870.821

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty là 1.480.021.795 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2011 là 2.127.310.000 VND). Nếu giá cả các cổ phiếu này tăng/giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm/tăng khoảng 111.001.635 VND (năm trước là 159.548.250 VND).

Bình Dương, ngày 15 tháng 3 năm 2012



Vũ Thành Nam
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	388.000.000.000	151.238.500.000	(130.000.000)	2.858.510.594	-	12.951.391.995	554.918.402.589
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	96.974.700.000	-	-	-	-	(96.974.700.000)	-
Chia cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	(67.882.470.000)	(67.882.470.000)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	310.314.960.251	310.314.960.251
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	5.000.000.000	2.355.669.837	(9.710.986.032)	(2.355.316.195)
Tăng khác	-	-	-	-	(451.800.000)	-	(451.800.000)
Số dư cuối năm trước	484.974.700.000	151.238.500.000	(130.000.000)	7.858.510.594	1.903.869.837	148.698.196.214	794.543.776.645
Số dư đầu năm nay	484.974.700.000	151.238.500.000	(130.000.000)	7.858.510.594	1.903.869.837	148.698.196.214	794.543.776.645
Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	16.386.200.000	9.613.783.540	-	-	-	-	25.999.983.540
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(58.508.685.584)	-	-	-	(58.508.685.584)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	162.450.537.562	162.450.537.562
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	9.380.758.427	362.200.000	(17.029.365.169)	(7.286.406.742)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(145.003.166.000)	(145.003.166.000)
Chi quỹ trong năm	-	-	-	-	(399.600.000)	-	(399.600.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(55.315.680)	(55.315.680)
Số dư cuối năm nay	501.360.900.000	160.852.283.540	(58.638.685.584)	17.239.269.021	1.866.469.837	149.060.886.927	771.741.123.741

Bình Dương, ngày 15 tháng 3 năm 2012



Nguyễn Thanh Nghĩa
 Tổng Giám đốc

Vũ Thành Nam
 Kế toán trưởng



VH * H'N